

## PHẨM: VĂN THÙ SỬ LỢI VĂN TẬT

Các vị được Đức Phật sai bảo trước đều từ chối chẳng thể kham nhận, nên sai bảo ngài Văn-thù đến thăm bệnh. Do đó tên phẩm là Văn-thù Văn Tật. Đầu phẩm nêu lên ba môn phân biệt.

1. Giải thích lý do.
2. Đối với các phẩm trên luận chỗ sai khác.
3. Phân văn giải thích.

Giải thích lý do có phẩm này; gồm ba:

1. Vì đức của ông Duy-ma cao tốt, khó ai sánh bằng, các vị khác đều chẳng kham, nên phải sai bảo ngài Văn-thù đến.
2. Pháp được ông Duy-ma luận bàn thật vi diệu, các vị khác chẳng thể tin hiểu, nên phải sai bảo ngài Văn-thù thăm bệnh.
3. Khiến chúng sinh được hóa độ nên nghe hai vị hỏi đáp để đạt lợi ích, nên dạy ngài Văn-thù đến thăm bệnh.

Nguyên do như thế, kế tiếp là luận về dị biệt. Gồm năm nghĩa, đầy đủ như trên đã luận:

1. Trên nói chẳng kham là để hiển đức của ông Duy-ma cao tốt hơn các Hiền Thánh khác; ở đây bảo người kham nhận được là để hiển đức của Duy-ma kỳ diệu. Vì chỉ có ngài Văn-thù mới kham lãnh, cho nên đức diệu.
2. Trước sai bảo chẳng ai kham nhận được, để hiển thị biện tài của ông Duy-ma khó người đối luận, là nêu trí của ông cao. Sau đây sai bảo người kham lãnh được, hiển thần biến của ông Duy-ma khó lường, hầu nêu lên thần thông của ông siêu việt.
3. Trước sai bảo chẳng có người kham nhận, tức nhờ vào lời của đại chúng mà hiển đức của ông Duy-ma, sau đối với người kham lãnh được mà ông Duy-ma tự hiển đức giải thoát.
4. Trước bảo những người chẳng kham nhận là hiển thị pháp mà ông Duy-ma nói trước kia; ở đây đối với người kham nhận mà hiển bày pháp mà ông Duy-ma nói hôm nay.
5. Trước bảo những người chẳng kham nhận là luận về pháp thể sở học của Bồ-tát, ở đây đi với người kham nhận được mà hiển bày tướng tu thành.

Phần ba, phân đoạn giải thích. Toàn văn gồm hai đoạn lớn:

1. Bảo Văn-thù Bồ-tát thăm bệnh là lời tựa để khởi thuyết.
2. Từ câu “Thiện lai...” trở xuống, trả lời cho người hỏi.

Trong phần thứ nhất, từ câu “Như Lai sai bảo...” trở xuống là Bồ-

tát Văn-thù vâng lời Phật đến thăm bệnh, đoạn này lại gồm bốn ng-hĩa:

1. Tán thán ông Duy-ma có đức cao khó ai bằng, chỉ nương vào oai lực Phật mà đến thăm.
2. Cùng với đại chúng đến.
3. Ông Duy-ma biết đại chúng sắp đến nên làm tượng thất trống để tiếp đãi.
4. Ngài Văn-thù đến thấy tượng thất trống không, chỉ một mình ông nằm dưỡng bệnh.

Trong đoạn thứ nhất, đầu tiên khen ông Duy-ma để hiển rõ mình khó luận đối; từ câu “tuy nhiên...” là nương vào Phật lực đến thăm; trong lời khen, đầu tiên nói “bậc thượng nhân ấy thật khó có ai đối đáp lại” là khen tổng quát; câu “thâm đạt thật tướng...” là khen riêng từng đức. Trong đoạn khen riêng có ba:

1. Khen trí giải thoát thù thắng.
2. Từ câu “biết tất cả các pháp thức của Bồ-tát...” là khen hạnh tu đầy đủ.
3. Từ câu “hàng ma...” là khen đức dụng tự tại.

Trong câu khen trí giải thoát, đầu tiên nói, “thâm đạt thật tướng”, đó là thật trí cũng gọi là chứng trí; kinh Niết-bàn cho Thế đế là thật tướng, hoặc cho Chân đế là thật tướng, kinh Đại Phẩm phần nhiều gọi Chân đế là thật tướng. Ở đây gọi Đệ nhất nghĩa là thật tướng. Chứng đắc rốt ráo nơi chân thật, nên gọi là thành đạt. “Khéo nói pháp yếu” là phương tiện trí cũng gọi là giáo trí. Hay tuyên dương pháp giáo hóa, nên gọi là khéo thuyết, pháp được thuyết thiết yếu, nên gọi là pháp yếu; “biện tài vô ngại” là hiển thị nghĩa khéo thuyết. Ngôn hay biện thấu suốt, ngữ hay tài giỏi luận bàn, nên gọi là biện tài; biện tài lâu thông nên gọi là vô ngại. “Trí tuệ vô ngại” là hiển thị nghĩa thâm đạt ở trước. Có thể vào sâu xa nên gọi là vô ngại. Trong lời khen hạnh tu đầy đủ ghi “Biết tất cả các pháp thức của Bồ-tát” là thiện của tự phần. “Có thể vào tất cả bí tạng của chư Phật” là đầy đủ hạnh tu thù thắng. Môn pháp giới trong kinh Đại Niết-bàn gọi là Phật bí tạng; quán cùng tốt thì tương ứng, cho nên nói là vào tất cả. Các kinh, khi tán thán về đức, phần nhiều y cứ vào hai môn này. Trong đoạn nói đức tự tại ghi “Hàng phục các ma”, là đức phá tà, “Du hý thần thông...” là đức trụ nơi chánh. Du hý thần thông là thông tự tại. Bước vào các thông thì tự tại như vui chơi, nên gọi là du hý. “Các tuệ phương tiện đều đã đắc độ”, là trí tuệ viên mãn. Tuệ tức thật tuệ, phương tiện đó là phương tiện trí. Hai loại này đã đạt đến chỗ

rốt ráo viên mãn, nên gọi là đã độ.

Trên là tán thán đức của ông Duy-ma cao tột, từ câu “Tuy nhiên...” là nói nhờ oai lực của Phật mà đến. Trước là hiển thị nghĩa khó đối đáp, đây là nói nương vào oai lực của Phật, chớ đâu có thể tự thăm bệnh. Luận khó gồm với dễ đồng nói tuy, tức là nói nhưng còn ông, tuy thế, ông cũng khó đối đáp với Ta. “Sẽ thừa Thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh... nương vào lực của người trên gọi là thừa, chỉ tức ý chỉ. Đây là nương vào ý lực của Như Lai gia bị mà đến thăm bệnh.

Đoạn hai, Bồ-tát Văn-thù và đại chúng cùng nhau đến thăm; gồm ba câu:

1. Đại chúng đều nghĩ hai vị Đại sĩ ắt sẽ nói diệu pháp; trước nêu lên người suy nghĩ; “Lúc ấy, trong chúng” là căn cứ nơi chốn để nêu chung, nghĩa là trong chúng đệ tử Phật ở vườn Am-la. “Các Bồ-tát...” là tùy theo người mà kể riêng, nói “Các Bồ-tát” là nêu chúng Bồ-tát; nói “Đại đệ tử” là nêu chúng Thanh văn; nói “Thích Phạm vương” là nêu chúng phàm. Sau đây là nêu sự suy nghĩ. “Đều nghĩ rằng”, nêu chung. “Nay hai vị Đại sĩ...” nêu lên người được đại chúng nghĩ đến. Đại trí cao vời thì lời nói ắt sâu xa, cho nên mới nghĩ hai vị Đại sĩ này cùng nói chuyện, ắt sẽ thuyết diệu pháp.

2. Từ câu “Tức thời...” trở xuống là nói đại chúng thích cùng theo ngài Văn-thù đến thăm bệnh.

3. Từ câu “Bấy giờ...” trở xuống là nói ngài Văn-thù cùng đại chúng đến thăm. Nói “ngài Văn-thù” là nêu chúng chủ, “Cùng các Bồ-tát Đại đệ tử...” là nêu chung người đi theo. “Cung kính vây quanh là nói phép tắc đi theo. “Vào thành Tỳ-da-ly” là nói nơi phải đến.

Đoạn ba, ông Duy-ma biết đại chúng đến, làm trượng thất trống không để tiếp đón. Trong đó, đầu tiên nghĩ đến việc Bồ-tát Văn-thù và đại chúng đến. Ở đây chỉ nghĩ về người sắp đến, chẳng nghĩ về trượng thất trống. Có người cho rằng đây là nghĩ muốn trượng thất trống, nguyên do ở văn sau, lời này lầm lẫn. Vì ông Duy-ma đợi sự giáo hóa như khát nước, tâm Như Lai đã hoan hỷ cho nên có suy nghĩ này. Kế đến dùng thần lực làm cho trượng thất trống, dẹp bỏ tất cả vật dụng và thị giả. Nói thất trống là nói chung. Trừ các vật dụng và các thị giả là để hiển thị trượng thất trống. Vì muốn nhờ vào việc này để phát khởi đầu mối luận biện ở sau; vì thế mà làm thất trống không. Văn sau nói “chỉ đặt một chiếc giường để nằm dưỡng bệnh” cũng là muốn nhờ vào thân bệnh mà có việc hiển thị, cho nên đặt một chiếc giường nằm dưỡng bệnh.

Đoạn bốn, Bồ-tát Văn-thù đến, vào thất thấy trống không, chỉ

thấy một mình ông Duy-ma đang nằm. Trên là tựa, từ đây xuống là phần chánh thuyết. Nhưng tựa và chánh thuyết tiến thoái chẳng định, như trước đã luận đủ. Nếu cho rằng tất cả pháp được ông Duy-ma nói trong một đời là phần chánh tông thì đó là phán thiên lệch. Tức đầu phẩm phương tiện là phần tựa, vì có câu “Vì ông ấy bệnh nên vua, đại thần đều đến thăm”, thì sau đó đều là phẩm chánh tông. Nếu lấy pháp của ông Duy-ma nói trong một hội này làm chánh, thì từ đầu phẩm phương tiện đến đây đều phán là phần tựa của hội này, từ đây trở xuống mới là phần chánh tông. Trong phần chánh tông được chia làm ba môn để phân biệt:

1. Nhiếp pháp theo người để hiển đức.
2. Phế người theo pháp tùy nghĩa phân biệt.
3. Y văn giải thích.

Thế nào là nhiếp pháp theo người để hiển đức? Tông chỉ kinh này là hiển đức của ông Duy-ma, đức là môn chẳng thể nghĩ bàn. Trong môn này, về nghĩa thì rất nhiều, tùy đức mà luận, chỉ cần trí thông đạt. Trên là nêu rộng về sở thuyết của ông Duy-ma để hiển thị trí thù thắng, sau đây là nói về thần biến tự tại để nêu lên thần thông kỳ diệu. Trong đoạn nói thần thông, tùy theo nghĩa mà phân làm bốn đôi. Từ đầu đến hết phẩm Bất Tư Nghì là đôi thứ nhất, phẩm Quán Chúng Sinh là đôi thứ hai, từ phẩm Phật Đạo là đôi thứ ba, từ phẩm Bất Nhị môn đến hết phẩm Hương Tích là đôi thứ tư. Trong bốn đôi này thì trước đều nói về sở hành sau nói về thành tựu. Trong đôi đầu tiên, đầu tiên là Phẩm Vấn Tật nói về sở hành, phẩm Bất Tư Nghì thuật việc mượn tòa Đấng vương, thất nhỏ chứa nhiều là nói về chỗ thành tựu. Đôi thứ hai, đầu phẩm Quán Chúng Sinh là nói về sở hành, từ câu “Lúc bấy giờ nơi trượng thất của ông Duy-ma có một Thiên nữ...” trở xuống là nói về thất của Duy-ma có tám điều chưa từng có để nêu chỗ thành tựu. Đôi thứ ba, đầu phẩm Phật Đạo là nói về sở hành, từ câu “đều hiện hỏi...” trở xuống là nói về tất cả đức của ông Duy-ma để nêu lên chỗ thành tựu. Đôi thứ tư thì phẩm Nhập Bất Nhị Môn là nói về sở hành, phẩm Hương Tích nói việc xin cơm Hương tích, thất nhỏ chứa tòa cao rộng để nêu chỗ thành tựu.

Bốn đôi này có gì sai biệt? Ba đôi đầu tiên nói về tu giáo hạnh, gồm sở tu và thành tựu. Một đôi sau nói về hạnh tu chứng, chỉ nói về chỗ thành tựu. Trong ba đôi trước thì đôi thứ nhất nói về hạnh đối trị lỗi lầm mà có chỗ thành tựu. Hai đôi sau là nói về hạnh tu nhiếp thiện có chỗ thành tựu; trong hạnh nhiếp thiện, thì đôi thứ nhất nói về hạnh

tu nhập diệt; xả hữu quán không mà nhập tịch diệt; đôi thứ hai nói về hạnh tu khởi dụng mà có chỗ thành tựu. Nói “hành nơi phi đạo” tức khởi dụng.

Nhiếp pháp theo người để hiển đức thì như thế, kể đến là phần thứ hai phết người theo pháp, tùy nghĩa phân biệt. Pháp nghĩa được nói tuy có vô lượng, nhưng mấu chốt chỉ là nhân quả. Nhân là nhân pháp thân và tịnh độ, quả cũng là quả pháp thân và tịnh độ. Từ phẩm phương tiện nói “Vì ông ấy bệnh, cho nên vua và quan đều đến thăm”, cho đến hết phẩm Bất nhị môn đều nói về nhân quả pháp thân Như Lai; phẩm Hương Tích nói về nhân quả tịnh độ của Như Lai. Trong nghĩa nói về pháp thân thì căn cứ theo hóa mà chia làm ba đoạn:

1. Cuối phẩm Phương Tiện, nhân phàm thăm bệnh mà dạy nhân quả pháp thân cho phàm, nói “nên thích thân Phật” đó là nói về quả pháp thân, nói “từ vô lượng công đức sinh” là nói về pháp thân.

2. Phẩm Đệ tử dạy nhân quả pháp thân cho hàng Thanh văn, tức từ chín vị trước mà nói nhân pháp thân, một vị sau nói về quả pháp thân.

3. Phẩm Bồ-tát Vấn tạt đến hết phẩm Bất nhị môn là nói về việc dạy nhân quả pháp thân cho hàng Bồ-tát, tức từ Bồ-tát Di-lặc nói về quả pháp thân, vì chân tánh Bồ-đề là quả.

Từ đoạn Quang Nghiêm trở về sau là nói về nhân pháp thân. Về nhân, thì phẩm trước nói về thể của hạnh, phẩm này trở về sau là nói về tướng tu thành, trong đó lược phân làm hai môn:

1. Phá tướng.

2. Hiển đức.

Phá tướng lại chia làm ba đoạn:

1. Từ đây đến hết phẩm Quán Chúng Sinh là đoạn thứ nhất, là nói về tu hành nhập tịch diệt, phá tướng chấp hữu của phàm phu.

2. Phẩm Phật Đạo nói từ Duyên khởi dụng phá tướng chấp không của Nhị thừa.

3. Phẩm Bất Nhị Môn, nói về chứng nhập Bất nhị, phá tướng phân biệt nhị (hai) của Bồ-tát.

Phá tướng như thế, môn hiển tướng thì gom nhiếp thành hai:

1. Từ đầu tiên đến hết phẩm Phật Đạo là nương vào tướng giải thoát của ông Duy-ma để tu tập giáo hạnh; phẩm Bất nhị môn là nương vào tánh giải thoát của ông Duy-ma để tu tập chứng hạnh. Trong phần giáo hạnh, về nghĩa gồm có ba đôi:

1. Từ đầu đến hết phẩm Bất Tư Nghị.

2. Một phẩm Quán Chúng Sinh.

3. Một phẩm Phật Đạo.

Ba đôi đầu tiên đều nói về pháp tu hành, sau nói về chỗ thành tựu, đều như trên đã nêu. Ba đôi có gì khác nhau? Hai đôi trước nói về tự phần, một đôi sau nói về Thắng tấn. Tu pháp Bồ-tát là Tự phần, trên cầu Phật đạo là Thắng tấn. Vả lại hai đôi trước nói hạnh tu nhập tịch diệt, một đôi sau nói về tướng tu khởi dụng. “Hành nơi phi đạo” là khởi dụng. Nếu căn cứ theo vị thì Tự phần nhập tịch phần nhiều ở tại Địa thứ sáu trở về trước, vì thích không, còn khởi dụng phần nhiều tại Địa thứ bảy trở lên, vì ở giai vị này tu tập khởi hạnh thù thắng. Trong Tự phần, đôi trước nói về hạnh tu đối trị các lỗi mà có chỗ thành tựu, đôi thứ hai nói về hạnh tu nhiếp thuận mà có chỗ thành tựu. Căn cứ theo vị thì hạnh đối trị của Tự phần phần nhiều ở trước mười Địa, Bồ-tát trước mười địa lỗi nặng cần phải đối trị đoạn dứt, còn nhiếp thiện, phần nhiều tại sơ địa trở lên, tức tu hành hợp pháp giới, thành tựu các đức. Trong đôi thứ nhất trước nói về pháp tu tập, sau đó nói về chỗ thành tựu. Tu thì phần nhiều tại trước mười Địa, Thành thì phần nhiều từ sơ địa trở lên. Ở đây đều nói về pháp khiến người tu học. Bỏ người theo pháp luận đại khái như thế.

